

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ-BỘ THƯƠNG MẠI-
BỘ XÂY DỰNG
Số: 02/TTLB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 1997

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn thực hiện Quy chế đấu thầu

(Ban hành kèm theo Nghị định 43/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ)

Quy chế đấu thầu được ban hành kèm theo Nghị định 43/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ với mục đích bảo đảm tính khách quan, công bằng và thống nhất các hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc về các lĩnh vực: tuyển chọn tư vấn, mua sắm vật tư thiết bị và xây lắp thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực hiện Điều 3 của Nghị định 43/CP và Điều 46 của Quy chế đấu thầu, Liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Xây dựng - Bộ Thương mại hướng dẫn chung một số nội dung chủ yếu của Quy chế đấu thầu để các Bộ ngành, địa phương và cơ sở thống nhất thực hiện.

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Phạm vi áp dụng Quy chế đấu thầu bao gồm những đối tượng được quy định tại điều 2 của Quy chế đấu thầu, nay hướng dẫn cụ thể như sau:
 - Các dự án đầu tư được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 42/CP là những dự án do Nhà nước cân đối vốn đầu tư, những dự án thuộc các doanh nghiệp Nhà nước, những dự án do Nhà nước bảo lãnh vốn và những dự án sử dụng các nguồn vốn ODA theo Nghị định 20/CP ngày 15/3/1994 của Chính phủ.
 - Các dự án đầu tư liên doanh của doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam có mức góp vốn pháp định từ 30% trở lên là những dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư theo các quy định hiện hành.

c. Đấu thầu để lựa chọn đối tác dự án liên doanh và hợp tác kinh doanh, dự án 100% vốn nước ngoài, dự án thực hiện theo phương thức BOT hoặc BT được áp dụng theo các quy định riêng.

d. Ngoài những dự án nói trên tuy không bắt buộc nhưng khuyến khích áp dụng Quy chế đấu thầu.

2. Hình thức lựa chọn nhà thầu.

a. Đấu thầu rộng rãi: Hình thức đấu thầu này được khuyến khích áp dụng nhằm đạt tính cạnh tranh cao trên cơ sở tham gia của nhiều nhà thầu. Tuy nhiên, hình thức này được áp dụng tùy theo từng dự án cụ thể trong phạm vi một địa phương, một vùng, liên vùng, toàn quốc hoặc quốc tế.

b. Đấu thầu hạn chế: Hình thức đấu thầu này được áp dụng trong các trường hợp sau:

Chỉ có một số nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng tối thiểu phải có 3 nhà thầu có khả năng tham gia.

Các nguồn vốn sử dụng có yêu cầu tiến hành đấu thầu hạn chế.

Do yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận.

c. Chỉ định thầu: Hình thức chỉ định thầu được áp dụng theo Điều 30 của Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 42/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ.

3. Sơ tuyển nhà thầu

a. Việc sơ tuyển nhà thầu được áp dụng đối với các gói thầu xây lắp có giá trị từ 100 tỷ đồng trở lên; các gói thầu vật tư thiết bị có giá trị trên 200 tỷ đồng hoặc có công nghệ phức tạp. Những gói thầu có giá trị dưới mức quy định trên, bên mời thầu có thể tiến hành sơ tuyển nhà thầu, nếu cần thiết. Nội dung các bước sơ tuyển nhà thầu thực hiện theo Điều 26 và phần A (Phụ lục III) của Quy chế đấu thầu.

Đối với các gói thầu xây lắp tổ chức đấu thầu quốc tế, các nhà thầu nước ngoài phải có văn bản cam kết liên doanh ít nhất với một nhà thầu Việt Nam.

Hồ sơ sơ tuyển nhà thầu do bên mời thầu lập hoặc thuê các cơ quan chuyên môn am hiểu về đấu thầu và lĩnh vực chuyên môn của gói thầu hoặc tổ chức tư vấn có giấy phép kinh doanh hoặc chứng chỉ hành nghề lập. Bên mời thầu có trách nhiệm trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cấp được uỷ quyền phê duyệt hồ sơ sơ tuyển trước khi thông báo mời sơ tuyển.

b. Đối với các gói thầu dưới các mức quy định trên tuy không thực hiện sơ tuyển, nhưng trong hồ sơ mời thầu phải yêu cầu nhà thầu nộp đủ các tài liệu quy định tại Điều 6, Mục 2 của Quy chế đấu thầu về điều kiện dự thầu, và kê khai năng lực kinh nghiệm theo các mẫu biểu số 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8, 9 (nếu có) trong phụ lục III (Phần A) kèm theo Quy chế đấu thầu để có căn cứ xem xét về mặt hành chính, pháp lý và khả năng thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước khi đánh giá và xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Riêng mẫu biểu số 3 được hiệu chỉnh lại theo mục VII, khoản 2.4, điểm (d) của Thông tư này để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

4. Ưu đãi nhà thầu trong nước

Nhà thầu trong nước tham gia đấu thầu quốc tế tại Việt Nam nếu trúng thầu sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi theo các quy định riêng của Nhà nước.

5. Giá xét thầu

Đối với đấu thầu xây lắp, bên mời mua thầu phải sử dụng giá xét thầu để làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu. Giá xét thầu này phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cấp được uỷ quyền quyết định sau thời điểm hết hạn nộp thầu và trước thời điểm mở thầu. Đối với đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị hoặc tuyển chọn tư vấn, bên mời thầu có thể sử dụng giá xét thầu tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án.

Giá xét thầu được xác định theo những căn cứ sau:

Yêu cầu và những chỉ dẫn nêu trong hồ sơ mời thầu.

Tổng dự toán hoặc dự toán đã được duyệt.

Tổng mức đầu tư của dự án nếu chưa có tổng dự toán hoặc dự toán được duyệt.

Giá xét thầu phải nằm trong phạm vi của tổng dự toán hoặc dự toán và không làm vượt tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt.

Giá trúng thầu không được vượt giá xét thầu đã được quyết định.

6. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền

Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền là các cấp được quy định tại Điều 7 của Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 42/CP ngày 16/7/1996 của Chính phủ, có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại điểm 4 Điều 42 của Quy chế đấu thầu.

PHẦN THỨ HAI

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐẤU THẦU

I. CHUẨN BỊ ĐẤU THẦU

Nội dung các công việc chuẩn bị đấu thầu bao gồm:

Kế hoạch đấu thầu.

Nhân sự.

Hồ sơ mời thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.

1. Kế hoạch đấu thầu

Nội dung tổng quát của Kế hoạch đấu thầu được quy định tại Điều 5 của Quy chế đấu thầu, nay hướng dẫn cụ thể như sau:

1.1. Phân chia gói thầu

Gói thầu là căn cứ để tổ chức đấu thầu và xét thầu. Việc phân chia dự án thành gói thầu phải hợp lý, trước hết phải căn cứ vào công nghệ, tính chất hoặc trình tự thực hiện dự án. Gói thầu phải được phân chia theo quy mô hợp lý và đảm bảo tính đồng bộ của dự án. Chủ đầu tư không được phân chia dự án thành các gói thầu quá nhỏ (trừ một số trường hợp đặc biệt) làm giảm tính hợp lý của dự án và làm tăng chi phí đấu thầu.

Giá trị dự kiến của gói thầu không được vượt dự toán (nếu gói thầu là một hạng mục) và tổng giá trị các gói thầu không được vượt tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán (nếu có) đã được phê duyệt.

Đối với tuyển chọn tư vấn, giá trị dự kiến của gói thầu căn cứ theo mức ước tính so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

1.2. Phương thức thực hiện hợp đồng

Việc lựa chọn phương thức thực hiện hợp đồng phải căn cứ theo tính chất, quy mô, thời gian thực hiện... của từng gói thầu.

a. Hợp đồng trọn gói (theo giá khoán gọn):

Đối với các gói thầu có điều kiện xác định chính xác khối lượng, số lượng và giá cả tại thời điểm đấu thầu thì pháp áp dụng theo phương thức hợp đồng trọn gói. Trong quá trình thực hiện không được thay đổi giá cả đã thoả thuận trong hợp đồng. Đối với các phát sinh không phải do nhà thầu gây ra thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cấp được uỷ quyền phê duyệt bằng văn bản.

b. Hợp đồng có điều chỉnh giá:

b.1. Phạm vi áp dụng:

Những gói thầu bao gồm những phần việc hoặc hạng mục không có điều kiện xác định chính xác khối lượng hoặc số lượng tại thời điểm đấu thầu.

Những gói thầu có thời gian thực hiện ít nhất trên 12 tháng và có biến động về giá đối với 3 yếu tố chủ yếu là nguyên vật liệu, thiết bị và lao động.

b.2. Nguyên tắc áp dụng:

Bên mời thầu chỉ được áp dụng phương thức hợp đồng có điều chỉnh giá đối với những gói thầu đã được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu hoặc đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Chỉ áp dụng đối với những khối lượng hoặc số lượng phát sinh (tăng hoặc giảm) không phải do nhà thầu gây ra, được các bên liên quan xác nhận và được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép. Những khối lượng hoặc số lượng phát sinh do nhà thầu gây ra thì không được xem xét.

Giá trị điều chỉnh của hợp đồng không được vượt tổng dự toán hoặc dự toán đã được duyệt. Giá trị điều chỉnh của toàn bộ dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

b.3. Điều kiện và công thức điều chỉnh: